

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày: 24-4-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tụ;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thành D (tên gọi khác: T), sinh năm 1986 tại Tây Ninh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Phước L (đã ly hôn) và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; ngày 30-12-2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Trần Ngọc B, sinh năm: 1979; địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh T, sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp T, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành D và chị Trần Ngọc B, sinh năm 1979, ngụ ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh có mối quan hệ tình cảm với nhau. Vào khoảng 09 giờ ngày 01-10-2019, D điện thoại hỏi chị B mượn tiền dùm để trả nợ nhưng chị B không đồng ý. D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô loại VISION, biển số 70G1-493.71 của chị B để cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02-10-2019, D điện thoại hỏi mượn xe mô tô của chị B, D nói mượn xe để đi lấy tiền thì chị B đồng ý và kêu D đến bãi giữ xe trước cổng khu công nghiệp L gặp anh H bảo vệ bãi giữ xe để lấy. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, D nhờ anh Trương Văn C, sinh năm 1985, ngụ ấp B, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh chở đến bãi giữ xe rồi ra về, D gặp anh H để lấy xe (do chị B có gửi chìa khoá và nói với anh H đưa xe cho D mượn). Sau khi lấy xe, D điều khiển xe đến khu vực xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh để uống cà phê cùng với C và Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987, ngụ ấp T, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, C và Tuấn A đi về nhà, D điều khiển xe đi cầm cố nhưng không được do xe không chính chủ. D điện thoại nhờ Tuấn A chỉ chỗ cầm xe giùm. Lúc này, Tuấn A dẫn D đến tiệm sửa xe mô tô biển hiệu “LT” do anh Huỳnh T, sinh năm 1989, ngụ ấp T, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh làm chủ để D vào cầm cố được số tiền 18.000.000 đồng, số tiền này một mình D tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 07/10/2019, chị B làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại phiên tòa Lê Thành D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Kết luận định giá tài sản số 39/KLĐG-HĐĐG ngày 16/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện Dương Minh Châu kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu đỏ, biển số 70G1-493.71, số máy JF66E0030005, số khung 5814GY029977, mua vào tháng 11 năm 2016, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 02/10/2019 có giá trị là 26.625.000 đồng.

* Trách nhiệm dân sự: Chị Trần Ngọc B đã nhận lại xe nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Riêng anh Huỳnh T yêu cầu Lê Thành D hoàn trả số tiền cầm cố xe mô tô là 18.000.000 đồng.

* Đối với Nguyễn Tuấn A, Huỳnh T là người dẫn đi cầm cố và nhận cầm cố xe nhưng không biết do D phạm tội mà có nên không xử lý hình sự là có căn cứ. Riêng Trương Văn C hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS-DMC ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu đã truy tố bị cáo Lê Thành D tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành D mức án tù 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự xử lý vật chứng như sau:

- Đối với 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lê Thành D bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản photo) và 01 biên nhận cầm đồ ĐT cần được lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu đỏ, biển số 70G1-493.71 đã thu hồi và trả cho người bị hại.

- Buộc bị cáo hoàn trả cho anh Huỳnh T số tiền 18.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Thành D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo sớm trở về gia đình, nuôi dưỡng mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị Trần Ngọc B để cầm cố lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/10/2019, D liên lạc với chị B và nói dối là mượn xe của chị B để đi lấy tiền làm cho chị B tin tưởng đồng ý giao xe cho D mượn. Tại khu vực bãi giữ xe trước công khu công nghiệp CL thuộc ấp L, xã L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, Lê Thành D đã dùng thủ đoạn trên để chiếm đoạt của chị Trần Ngọc B 01 xe mô tô biển số 70G1-493.71, sau khi chiếm đoạt được D mang xe đi cầm cố lấy tiền tiêu xài mà không trả cho chị B, xe mô tô mà D chiếm đoạt trị giá 26.625.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thành D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo không sử dụng sức lao động của mình để tạo thu nhập hợp pháp mà dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm thỏa mãn mục đích tiêu xài cá nhân. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có thân nhân là người có công: ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bà ngoại được truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng trong vụ án:

- Bị cáo cầm cố xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt cho anh Huỳnh T số tiền 18.000.000 đồng, xe mô tô đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, xét thấy cần buộc bị cáo hoàn trả cho anh Huỳnh T số tiền 18.000.000 đồng là có căn cứ và hợp pháp.

- Chị Trần Ngọc B đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu đỏ, biển số 70G1-493.71 và không yêu cầu gì thêm nên ghi nhận.

- Trả cho bị cáo 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lê Thành D bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản phô tô) và 01 biên nhận cầm đồ ĐT.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thành D (tên gọi khác: T) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thành D 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

* Về bồi thường thiệt hại:

- Ghi nhận chị Trần Ngọc B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường cho anh Huỳnh T số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Xử lý vật chứng:

Trả cho bị cáo D 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lê Thành D.

Lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản photo) và 01 biên nhận cầm đồ ĐT.

(Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Thành D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp;
- VKSND H.DMC;
- CQĐT CA H.DMC;
- Nhà tạm giữ CA H.DMC;
- Chi cục THADS H.DMC;
- PV06 – Công an tỉnh TN;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thơ